

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ

Số: **659**/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chiêm Hoá, ngày **31** tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất xây dựng công trình **Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 2307/QĐ-EVNNPC ngày 09/8/2018 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Miền bắc về việc giao bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 cho Công ty Điện lực Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-PCTQ ngày 07/12/2018 của Giám đốc Công ty Điện lực Tuyên Quang về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: CQT, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 25/TTr-PTQĐ ngày 30/12/2019 và Tờ trình số 77/TTr-TNMT ngày 30/12/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại về việc đề nghị thu hồi đất để xây dựng công trình Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi diện tích 587,1 m² đất nông nghiệp của 68 hộ gia đình, cá nhân tại các xã: Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, trong đó:

- + Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 511,3 m².
- + Đất trồng lúa nước còn lại (LUK): 20,6 m².
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): 27,4 m².
- + Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK): 27,8 m².

(Có danh sách chủ sử dụng đất và bản đồ thu hồi đất kèm theo)

Ranh giới thu hồi đất được xác định bởi các đường liền nét đậm khép kín (có diện tích, số thửa đất, loại đất) được thể hiện trên các tờ bản đồ thu hồi đất để thực hiện công trình Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa, hệ tọa độ VN - 2000, tỷ lệ 1/500 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang phê duyệt.

- Lý do thu hồi đất: Xây dựng công trình Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các xã: Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội, Tân Thịnh

- Có trách nhiệm gửi Quyết định này cho các hộ gia đình có tên trong danh sách thu hồi đất kèm theo; trường hợp không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và nơi sinh hoạt cộng đồng khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và quyết định thu hồi đất của nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự thủ tục bồi thường.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chiêm Hoá và Hội đồng Bồi thường tái định cư công trình

- Phối hợp với Chủ đầu tư xây dựng công trình (Công ty Điện lực Tuyên Quang) thanh toán dứt điểm kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân được bồi thường thiệt hại trong phạm vi giải phóng mặt bằng đúng thời gian quy định.

- Phối hợp với UBND các xã thu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình và chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chiêm Hóa để chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.


3. Chủ đầu tư xây dựng công trình (Công ty Điện lực Tuyên Quang): Bố trí đầy đủ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình có tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của nhà nước.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chiêm Hóa

Chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã có đất thu hồi cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chiêm Hóa, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chiêm Hóa, Chủ đầu tư xây dựng công trình; Chủ tịch UBND các xã: Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ sử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận 

- Chủ tịch UBND huyện;
- Phó CT UBND huyện phụ trách KT;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Chánh VP, Phó chánh VPPTH;
- CVKT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Đình Tân



DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình CQT, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Phú Bình, Tân Mỹ, Tri Phú, Hòa Phú, Xuân Quang, Yên Lập, Ngọc Hội và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Chiêm Hóa)

Đơn vị tính m²

Số TT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Phân theo nhóm đất								
						Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi NN		Nhóm đất CSD		
						Tổng	Trong đó				Trong đó		Trong đó	
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16
Tổng cộng					587,1	587,1	511,3	20,6	27,4	27,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Đất hộ gia đình, cá nhân					587,1	587,1	511,3	20,6	27,4	27,8	0,0	0,0	0,0	0,0
I	Xã Hòa Phú				168,8	168,8	162,1	6,7						
1	Hà Văn Quyết	Thôn Đồng Bả	1	1	7,2	7,2	7,2							
2	Hà Xuân Đá	Thôn Đồng Bả	1	2	10,1	10,1	10,1							
3	Hà Viết Ninh	Thôn Đồng Bả	1	3	6,7	6,7	6,7							
4	Lục Thị Nương	Thôn Đồng Bả	1	4	10,1	10,1	10,1							
5	Đỗ Văn Thành	Thôn Đồng Bả	1	5	6,7	6,7	6,7							
6	Nguyễn Văn Lan	Thôn Đồng Bả	1	6	6,7	6,7	6,7							
7	Hà Thị Thích	Thôn Đồng Bả	1	7	6,7	6,7	6,7							
8	Nông Văn Hộ	Thôn Đồng Bả	1	8	10,1	10,1	10,1							
9	Ma Văn Lý	Thôn Lãng Lằm	2	1	7,2	7,2	7,2							
			2	2	10,1	10,1	10,1							



Số TT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Phân theo nhóm đất								
						Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi NN		Nhóm đất CSD		
						Tổng	Trong đó				Trong đó		Trong đó	
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
10	Hà Văn Dũng	Thôn Lãng lằm	2	3	6,7	6,7	6,7							
11	Ma Văn Đông	Thôn Lãng lằm	2	4	6,7	6,7	6,7							
12	Hà Văn Quá	Thôn Lãng lằm	2	5	6,7	6,7	6,7							
13	Ma Văn Hoàng	Thôn Lãng lằm	2	7	6,7	6,7	6,7							
14	Hà Văn Chinh	Thôn Lãng lằm	2	8	6,7	6,7	6,7							
15	Hà Văn Phượng	Thôn Cây La	2	6	6,7	6,7	6,7							
16	Ma Văn Lập	Thôn Cây La	3	1	6,7	6,7		6,7						
17	Hà Văn Dương	Thôn Cây La	3	2	10,1	10,1	10,1							
18	Hà Văn Hiến	Thôn Cây La	3	3	6,7	6,7	6,7							
19	Hà Văn Điển	Thôn Cây La	3	4	6,7	6,7	6,7							
20	Hà Văn Lâm	Thôn Cây La	3	5	6,7	6,7	6,7							
21	Hà Văn Vân	Thôn Cây La	3	6	10,1	10,1	10,1							
II	Xã Tân Thịnh				124,7	124,7	107,4		10,1	7,2				
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Thôn An Phong	1	1	10,1	10,1	10,1							
2	Hoàng Văn Phà	Thôn An Phong	1	2	6,7	6,7	6,7							
3	Phạm Văn Đông	Thôn An Phong	1	3	6,7	6,7	6,7							
4	Nguyễn Thị Tình	Thôn An Phong	1	4	6,7	6,7	6,7							
5	Chào Sáng Vu	Thôn An Thịnh	1	5	6,7	6,7	6,7							
6	Lương Văn Trường	Thôn An Thịnh	1	6	6,7	6,7	6,7							
7	Thèn Văn Phong	Thôn An Thịnh	2	10	6,7	6,7	6,7							

B

Số TT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Phân theo nhóm đất								
						Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi NN		Nhóm đất CSD		
						Tổng	Trong đó				Trong đó		Trong đó	
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
8	Hà Văn Hóa	Thôn An Thịnh	2	9	10,1	10,1	10,1							
9	Lê Tiến Kết	Thôn An Thịnh	2	8	6,7	6,7	6,7							
10	Nguyễn Thị Huân	Thôn An Thịnh	2	7	6,7	6,7	6,7							
11	Lê Xuân Tiểu	Thôn An Thịnh	2	6	6,7	6,7	6,7							
12	Hà Thị Châm	Thôn An Thịnh	2	5	6,7	6,7	6,7							
13	Hà Văn Nhị	Thôn An Thịnh	2	4	10,1	10,1	10,1							
14	Lý Văn Thắng	Thôn An Thịnh	2	3	10,1	10,1	10,1							
15	Nông Văn Dương	Thôn An Thịnh	2	2	10,1	10,1		10,1						
16	Lê Xuân Hùng	Thôn An Thịnh	2	1	7,2	7,2			7,2					
III	Xã Phú Bình				74,4	74,4	74,4							
1	Hà Văn Tháy	Thôn Khun Trại	1	1	7,2	7,2	7,2							
			1	2	10,1	10,1	10,1							
2	Triệu Văn Hào	Thôn Khun Trại	1	3	6,7	6,7	6,7							
3	Ninh Văn Nguyên	Thôn Khun Trại	1	4	10,1	10,1	10,1							
4	Ma Văn Nghị	Thôn Khun Trại	1	5	6,7	6,7	6,7							
5	Ngọc Thị Bình	Thôn Khun Trại	1	6	6,7	6,7	6,7							
6	Hà Văn Thuận	Thôn Khun Trại	1	7	10,1	10,1	10,1							
7	Ma Thị Tứ	Thôn Khun Trại	1	8	10,1	10,1	10,1							
			1	9	6,7	6,7	6,7							
IV	Xã Yên Lập				17,3	17,3			17,3					
1	Trần Văn Phan	Thôn Đài Thị	1	1	7,2	7,2			7,2					
			1	2	10,1	10,1			10,1					

Số TT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Phân theo nhóm đất								
						Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi NN		Nhóm đất CSD		
						Tổng	Trong đó			Trong đó		Trong đó		
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
V	Xã Xuân Quang				156,8	156,8	129,5	13,9		13,4				
1	Bản Văn Hiện	Thôn Nà Ném	1	1	7,2	7,2	7,2							
2	Hà Doãn Chúng	Thôn Trung Quang	2	1	7,2	7,2	7,2							
3	Hà Doãn Thập	Thôn Trung Quang	2	3	6,7	6,7	6,7							
4	Hà Doãn Tụng	Thôn Trung Quang	2	6	6,7	6,7	6,7							
5	Hà Doãn Sai	Thôn Trung Quang	2	7	6,7	6,7	6,7							
6	Hà Doãn Hiên	Thôn Thượng Quang	2	2	10,1	10,1	10,1							
7	Hà Doãn Sáng	Thôn Thượng Quang	2	4	6,7	6,7	6,7							
8	Hà Doãn Hiên	Thôn Thượng Quang	2	5	10,1	10,1	10,1							
9	Hà Doãn Khâm	Thôn Thượng Quang	2	8	6,7	6,7			6,7					
10	Hà Đình Sự	Thôn Nà Coóc	2	9	6,7	6,7			6,7					
11	Hà Văn Bảng	Thôn Nà Coóc	3	11	6,7	6,7		6,7						
			3	10	7,2	7,2		7,2						
12	Hà Thị Tướng	Thôn Nà Coóc	3	9	10,1	10,1	10,1							
13	Hà Doãn Cao	Thôn Nà Coóc	3	8	6,7	6,7	6,7							
14	Hà Thị Vóc	Thôn Nà Coóc	3	7	6,7	6,7	6,7							
15	Hà Phúc Anh	Thôn Nà Coóc	3	6	6,7	6,7	6,7							
16	Hà Phúc Chức	Thôn Nà Coóc	3	5	6,7	6,7	6,7							
17	Bùi Quang Giáp	Thôn Nà Coóc	3	4	6,7	6,7	6,7							
			3	3	7,2	7,2	7,2							

Số TT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Phân theo nhóm đất							
						Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi NN		Nhóm đất CSD	
						Tổng	Trong đó			Trong đó		Trong đó	
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tổng
18	Đào Trọng Bền	Thôn Làng Lạc	3	2	7,2	7,2	7,2						
19	Hà Văn Cử	Thôn Làng Lạc	3	1	10,1	10,1	10,1						
VI	Xã Tân Mỹ				7,2	7,2	7,2						
1	Quan Văn Chi	Thôn Bán Tụm	1	1	7,2	7,2	7,2						
VII	Xã Ngọc Hội				7,2	7,2	7,2						
1	Phạm Thị Diệm	Thôn Nà Bậy	1	1	7,2	7,2	7,2						
VIII	Xã Tri Phú				30,7	30,7	23,5		7,2				
1	Nguyễn Thị Lò	Thôn Lăng Đén	1	1	6,7	6,7	6,7						
2	Ma Văn Tiệp	Thôn Lăng Pục	1	2	6,7	6,7	6,7						
			1	3	10,1	10,1	10,1						
			1	4	7,2	7,2			7,2				